TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-11-2019
"V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Chủ toạ phiên toà: Ông Hồ Đức Quang – Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng

Ông Phạm Thành

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Thị Thúy Hạnh, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa***: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Hội trường xét xử số 4, Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 45/2019/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST ngày 08/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Quốc H, sinh năm 1971, sinh quán: Phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện cư trú tại 15562 RUDEDRSDORF BEL BERLIN FRENDRICH- ENGELS- RING 62, Cộng Hoà Liên Bang Đức (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Lê Thị T; sinh năm 1973; địa chỉ: Khối 7, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2019, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Quốc H trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị T đăng ký kết hôn ngày 16/9/1994 tại Uỷ ban nhân dân phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện, xuất phát từ tình yêu nam nữ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2001 anh đi xuất khẩu lao động tại Đức. Sau khi sang Đức làm ăn được 7 năm đến năm 2008 anh về nước xây dựng nhà cửa rồi lại tiếp tục sang Đức. Do thường xuyên sống xa nhau nên vợ chồng mất tình cảm. Hiện tại, hai vợ chồng không liên lạc với nhau, không còn sự tôn trọng và tình yêu dành cho nhau nên anh làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Phạm Hoàng V, sinh ngày 10/10/1999 và Phạm Thị Hà T, sinh ngày 06/02/1995. Các con chung đã trưởng thành và hiện đang sinh sống tại CHLB Đức nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 19/8/2019, bị đơn chị Lê Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất về thời gian kết hôn, địa điểm kết hôn như trình bày của anh H. Tuy nhiên, chị cho rằng việc anh H làm đơn yêu cầu ly hôn với chị chỉ là do bị ép buộc. Mặc dù anh H đã có người phụ nữ khác và đã có con riêng nhưng vẫn luôn quan tâm đến mẹ con chị. Tại phiên tòa, chị khẳng định: Chị chấp nhận việc anh H có người phụ nữ khác và việc có con riêng với họ nhưng chị không muốn ly hôn.

Quan hệ con chung và tài sản chung, nợ chung: Chị trình bày thống nhất với anh Phạm Quốc H.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Phạm Quốc H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn chị T đồng thời tự nguyện hỗ trợ khó khăn sau ly hôn cho chị Lê Thị T 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Bị đơn chị Lê Thị T chấp nhận sự hỗ trợ của anh H nhưng vẫn không đồng ý ly hôn.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ việc, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Quốc H. Xử cho anh Phạm Quốc H được ly hôn với chị Lê Thị T, đồng thời chấp nhận sự tự nguyện hỗ trợ khó khăn của anh H đối với chị T số tiền 100.000.000đ. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về thẩm quyền:

[1.1] Tại thời điểm thụ lý vụ án, anh Phạm Quốc H đang cư trú tại nước ngoài, nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 28, Điều 37 Bộ luật TTDS năm 2015.

[2] Nội dung:

[2.1]Quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Quốc H và chị Lê Thị T đăng ký kết hôn ngày 16/9/1994 tại Uỷ ban nhân dân phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Kết hôn tự nguyện, đúng pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc thời gian dài, mặc dù hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh H phải đi lao động nước ngoài nhưng cả hai anh chị vẫn quan tâm, yêu thương nhau. Tuy nhiên từ năm 2008 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù nguyên nhân gây mâu thuẫn vợ chồng trình bày khác nhau. Theo anh H là do khoảng cách về địa lý, ít khi liên lạc, vợ chồng không còn tình cảm, không tôn trọng nhau, còn theo chị T là do anh H có người phụ nữ khác, đã có con chung và còn công khai mối quan hệ bất chính này. Chị xác định không còn tình cảm với anh H nhưng không muốn ly hôn vì con cái và gia đình.

Hội đồng xét xử thấy rằng, khi anh H thường xuyên làm ăn xa thì chị T phải chịu nhiều vất vả trong cuộc sống, một mình chăm sóc con cái, gánh vác mọi công việc nặng nhẹ trong gia đình, chèo chống với các mối quan hệ nội ngoại. Bản thân chị chịu nhiều thiệt thòi, nhưng tình cảm là tự nguyện, không thể gò bó, ép buộc. Anh H khẳng định không còn tình cảm với chị T, trong khi đó chị T cho rằng anh H đã có con riêng với người phụ nữ khác (tại phiên tòa anh H thừa nhận). Cả hai anh chị đều xác nhận từ lâu hai anh chị không có quan hệ vợ chồng. Việc chị T cho rằng anh H bị ép buộc làm đơn ly hôn là không có căn cứ vì anh H có đầy đủ năng lực hành vi, đã nhiều lần làm đơn yêu cầu ly hôn nộp cho Tòa án và tại phiên tòa anh kiên quyết yêu cầu ly hôn. Rõ ràng, quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị đã trầm trọng.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau…nhưng cuộc hôn nhân của anh H và chị T hiện không còn đạt được mục đích đó, mâu thuẫn đã trầm trọng, một trong các bên không mong muốn hàn gắn mâu thuẫn để trở về đoàn tụ.

Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định . *"Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn",* như vậy anh H có quyền được yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị T và xem xét tình trạng hôn nhân

hiện tại của anh chị, cần chấp nhận nội dung khởi kiện, xử cho anh H được ly hôn với chị T.

Về trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Tại phiên tòa, anh H tự nguyện trợ cấp khó khăn cho chị T 100.000.000đ. Chị T chấp nhận sự trợ cấp này. Hội đồng xét xử thấy, đây là sự tự nguyện của anh H. Bản thân chị T có thu nhập thấp, thường xuyên ốm đau, bệnh tật nên sự trợ cấp của anh H là cần thiết, cần công nhận sự thỏa thuận này của các bên.

[2.2] Quan hệ con chung: Các con chung Phạm Hoàng V, sinh ngày 10/10/1999 và Phạm Thị Hà T, sinh ngày 06/02/1995 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không có yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 123, 127, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 246, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Quốc H. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Phạm Quốc H được ly hôn với bị đơn chị Lê Thị T.

2. Công nhận sự tự nguyện trợ cấp khó khăn sau ly hôn của anh Phạn Quốc H đối với chị Lê Thị T số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, *(đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án)* hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án *(đối với các khoản tiền phải nộp cho người được thi hành án)* cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí : Anh Phạm Quốc H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại biên lai số 001329 ngày 31/7/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn,bị đơn.

Nơi nhận
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THA tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND phường N, TX H;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đức Quang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Thị Kim Phương	**Phạm Thành**	**Hồ Đức Quang**

Nơi nhận
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THA tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Xuân Lĩnh, Nghi Xuân;
- Đương sự;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu HS, TDS.

Nguyễn Thị Bích Đào